

Làng nghề truyền thống Bắc Ninh: xưa và nay

TRẦN MINH YẾN

Những năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề truyền thống ở Bắc Ninh đã có sự phát triển mạnh mẽ, tạo việc làm, tăng thu nhập cho hàng nghìn lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Bài viết giới thiệu khái quát sự hình thành, phát triển làng nghề truyền thống của Bắc Ninh trong lịch sử và đặc điểm phát triển làng nghề truyền thống ngày nay, những yêu cầu đặt ra đối với làng nghề nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế.

Bắc Ninh là một tỉnh nằm trong vùng châu thổ sông Hồng, có nhiều tiềm năng và thế mạnh về vị trí địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội. Bắc Ninh là nơi tập trung rất nhiều làng nghề thủ công truyền thống, được hình thành và phát triển từ lâu đời, với nhiều loại sản phẩm phong phú, đa dạng và nổi tiếng từ xa xưa cả ở trong nước và nước ngoài bởi sự độc đáo và tính nghệ thuật cao.

1. Sự hình thành và phát triển làng nghề truyền thống của Bắc Ninh trong lịch sử

1.1. Thời kỳ Hùng Vương - An Dương Vương

Bắc Ninh vốn thuộc bộ Vũ Ninh của Nhà nước Văn Lang, là một vùng mà nông nghiệp phát triển mạnh hơn so với nhiều vùng khác trong cả nước. Cư dân ở đây đông đúc, do những nhu cầu thiết yếu của lao động sản xuất và đời sống nên đã sớm xuất hiện nhiều nghề thủ công. Cuối thời đá mới, đầu thời đại đồng thau, vùng hồ Lãng Bạc, ven sông Dâu, sông Đuống, sông Ngũ huyện,... tức là vùng đồng bằng mới bồi tụ phù sa đã thu hút các luồng di cư từ miền núi rừng đổ về, từ miền ven biển đi lên. Họ khai phá vùng đồng bằng này, dựng xóm làng, bên cạnh các dòng sông và tiến hành sản xuất. Điều kiện địa lý - tự nhiên ở đây là những thuận lợi cơ bản cho nông nghiệp

phát triển, từ đó một số nghề thủ công ra đời, dù những sản phẩm (vật dụng) còn rất sơ khai song nó rất hữu ích trong đời sống sản xuất và sinh hoạt của con người. Có hai nghề quan trọng nhất của thời kỳ này, đó là nghề đá, nghề đúc đồng,

Nghề đá: người ta đã tìm thấy ở vùng này những công cụ đồ đá như rìu, đục, mũi tên, dọi xe chỉ và cả vòng tay bằng đá... Những công cụ đó chủ yếu phục vụ cho các nghề trồng trọt, săn bắn, dệt, đánh cá.

Nghề đúc đồng: là nghề phát triển mạnh ở Bắc Ninh thuộc thời kỳ văn hóa Đông Sơn rực rỡ. Trống đồng- vật biểu trưng cao nhất của văn hóa Đông Sơn, là sản phẩm nổi tiếng của nghề đúc đồng cũng được sản xuất tại Bắc Ninh. Ngoài ra, nhiều hiện vật đồ đồng thuộc thời kỳ văn hóa Đông Sơn đã được phát hiện như rìu, dao, mũi tên đồng, bát đồng, gương đồng, vòng, chân tâm, trống đồng, đặc biệt xuất hiện quả cân bằng đồng¹.

Những sản phẩm thủ công của thời kỳ Hùng Vương đã phản ánh rất rõ sự tiến bộ của con người trong việc chế tạo ra những công cụ dùng làm tư liệu sản xuất cũng như tư liệu tiêu dùng. Sản phẩm phong phú, đa dạng, kỹ thuật ngày càng tiến bộ. Những di vật khảo cổ tìm thấy ở Bắc Ninh cho thấy kỹ

Trần Minh Yến, TS., Viện Kinh tế Việt Nam.

1. Theo tư liệu của Bảo tàng Bắc Ninh.

thuật làm khuôn đúc, làm bàn xoay, cưa, mài, đánh bóng... đã tiến bộ vượt bậc. Việc tìm thấy quả cân bằng đồng, bằng đá là một minh chứng cho thấy sản xuất ở thời kỳ này đã phát triển, đã có sản phẩm được dùng để trao đổi. Những nghề phát triển mạnh, nổi bật và đạt tới đỉnh cao của thời kỳ này là nghề chế tác đá, nghề gốm, nghề đúc đồng, nghề dệt vải...

1.2. Thời kỳ Bắc thuộc

Trên 1.000 năm, các nghề thủ công mặc dù bị kìm hãm song vẫn có những bước phát triển nhất định. Nhiều nghề thủ công ở Bắc Ninh vẫn tồn tại và được duy trì ở nhiều nơi trong tỉnh. Nhiều di chỉ khảo cổ tìm thấy các sản phẩm của nghề gốm với chất lượng khác nhau như: vò có tráng men, bình gốm, bát đĩa, chum, chĩnh lưới... Khu vực ven sông Cầu thuộc thôn Đường Xá (xã Vạn An, huyện Yên Phong) phát hiện khu lò gốm cổ có niên đại thế kỷ IX, X. Sản phẩm tìm thấy là các bức tường lò xây gạch, các loại bình, bát... đã có tráng men. Các đồ gốm được tráng men đã đánh dấu một mốc phát triển trong kỹ thuật làm nghề gốm của người thợ thủ công Bắc Ninh². Vào thời kỳ này, trong sản xuất nông nghiệp, đồ sắt đã chiếm vị trí chi phối. Công cụ sản xuất và các vật dụng trong gia đình phần nhiều bằng sắt. Do vậy nghề luyện sắt rất phát triển. Người ta tìm thấy nhiều hiện vật của nghề kim khí, đúc đồng như vòng tay, gương soi, bát đĩa, dao... Bên cạnh đó, một số nghề khác cũng xuất hiện và phát triển, nổi bật là các nghề làm giấy, nghề sản xuất vật liệu xây dựng, nghề mộc... Trong sách “Địa chí Hà Bắc” (xuất bản năm 1982, tr 263) có ghi: “Trong 7, 8 thế kỷ, nghề làm gạch đã phát triển rất mạnh vì sản phẩm của nó sử dụng vào việc xây dựng dinh thự, nhà cửa... của bọn thống trị và tầng lớp giàu có trong người Hán và người Việt. Khu lò gạch ngói cổ ở Bãi Định, xã Thanh Khương, (huyện Thuận Thành) có quy mô lớn, thiết kế lò công phu, sản phẩm (đồ gốm, đồ sứ, gạch ngói...) phong phú và có chất lượng. Theo ý kiến của các nhà khảo

cổ, khu lò này có thể xuất hiện từ thế kỷ VII. Còn từ thế kỷ V, nghề rèn sắt đã dần dần lấn át nghề đúc đồng”.

1.3. Thời kỳ Lý-Trần-hậu Lê đến nhà Nguyễn

Nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp của tỉnh có sự phát triển đáng kể. Sự phát triển của nông nghiệp và thương nghiệp đã tạo động lực cho thủ công nghiệp phát triển. Thời kỳ này các làng nghề thủ công hình thành và phát triển nhanh, mạnh ở nhiều nơi trong tỉnh. Sản phẩm sản xuất ra không chỉ phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng, mà còn đáp ứng nhu cầu giao thương của nhiều tầng lớp nhân dân. Nhu cầu xây dựng chùa chiền và công sở làm cho các nghề nề, mộc, làm gạch, vôi, ngói, điêu khắc đá, khắc bản in gỗ, rèn, đúc... xuất hiện. Nhiều làng nghề thủ công đã phát triển thành các làng chuyên, nổi tiếng với những loại sản phẩm phục vụ nhu cầu sản xuất như cày, bừa..., nhu cầu đời sống, sinh hoạt như vải, rượu, đậu phụ, dầu thấp..., nhu cầu văn hóa như giấy, bút, hồ... Trong rất nhiều loại nghề của tỉnh Bắc Ninh thời kỳ này, các nghề thủ công quan trọng nhất vẫn là nghề ương tơ, dệt vải, nghề gốm, nghề luyện kim (đúc đồng, rèn sắt) với những trung tâm tiêu biểu, bởi đây là những nghề có vai quan trọng trong việc phục vụ những nhu cầu cốt yếu về mặc, đồ ăn, thức dụng và công cụ sản xuất nông nghiệp.

Nghề ương tơ, dệt vải: là nghề rất nổi tiếng, tồn tại và phát triển ở nhiều nơi dọc theo sông Cầu. Đặc biệt vào thời nhà Lý, nhà vua rất chú trọng hướng cho dân phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm và dệt vải, được ghi vào pháp luật và được coi như quốc sách. Sản phẩm của nghề dệt Bắc Ninh rất đẹp, không những đủ cho nhu cầu tiêu dùng hàng ngày mà còn phục vụ cho những lễ tiết và hội hè trên xứ Bắc, đặc biệt là các hội quan họ.

2. Theo tư liệu của Bảo tàng Bắc Ninh.

Nghề gốm: sản phẩm không chỉ nổi tiếng ở vùng Kinh Bắc mà còn nổi tiếng ở khắp trong nước và nhiều nơi trên thế giới. Hai làng gốm nổi tiếng nhất của Bắc Ninh thời đó là làng gốm Phù Lãng (huyện Quế Võ) và làng gốm Bát Tràng (Huyện Gia Lâm- nay thuộc Hà Nội). Đây cũng được coi là hai trung tâm gốm phát triển của Bắc Bộ thời kỳ này.

Làng gốm Phù Lãng với nhiều loại sản phẩm bền, đẹp và thông dụng như: chậu, chum, vại, nôi... Ở đây nghề làm gốm đã trở thành nghề chính, tuy nhiên nó chưa tách hẳn nghề nông. Trong làng vẫn còn có một bộ phận làm ruộng kết hợp với làm nghề. Kỹ thuật và nghệ thuật tạo hình, trang trí sản phẩm của gốm Phù Lãng rất đẹp có tính thẩm mỹ cao, rất được người tiêu dùng ưa chuộng bởi tính đặc dụng của nó: bền, đẹp, giá cả phù hợp và rất tiện dụng trong sinh hoạt...

Làng gốm Bát Tràng là một trung tâm thủ công làm gốm chuyên nghiệp nổi tiếng cả nước trong nhiều thế kỷ. Từ đời Trần, địa danh xã Bát, làng Bát đã xuất hiện để chỉ đặc trưng sản phẩm nghề nghiệp của làng. Sản phẩm của gốm Bát Tràng không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn trở thành mặt hàng cống phẩm cho triều đình phong kiến phương Bắc và trao đổi rộng rãi trên thị trường các nước Đông Nam Á, Ấn Độ. Thủ công làm gốm Bát Tràng đã đạt đến trình độ tinh xảo đặc biệt trong kỹ nghệ sản xuất, tạo nên những sản phẩm có giá trị sử dụng và trình độ mỹ thuật cao. Thế kỷ XVII, XVIII, gốm Bát Tràng trở thành mặt hàng buôn bán quan trọng của thương nhân phương Tây và Nhật Bản... Sản phẩm gốm Bát Tràng vô cùng phong phú về chủng loại, đa dạng về kích cỡ, nó vừa là vật dụng hàng ngày của đông đảo quần chúng bình dân, vừa là những thứ hàng xa xỉ phục vụ tầng lớp giàu sang và vua quan quyền quý. Cho đến thế kỷ XIX, trung tâm gốm Bát Tràng vẫn nổi tiếng cả nước về tạo hình, chất lượng, giá trị sản phẩm và cả ở quy mô tổ

chức sản xuất. Vì vậy thị trường luôn luôn được mở rộng, sản phẩm chiếm giữ độc quyền bởi trình độ kỹ nghệ mà nó đạt được³.

Nghề luyện kim: đây là nghề nổi tiếng, được phân bố ở nhiều nơi trong tỉnh, tập trung nhiều ở các vùng như: Lãng Ngâm, Đại Bái, Quảng Phú (Gia Bình), Đào Viên (Thuận Thành), Nội Đổ, Nội Trà (Yên Phong)... Sản phẩm của nghề này dùng để phục vụ cho hầu hết các ngành sản xuất, làm đồ dùng trong sinh hoạt, làm đồ mỹ thuật, đồ trang sức, mỹ nghệ... Đây là nghề mà quy trình sản xuất bao gồm nhiều công đoạn, đòi hỏi tay nghề kỹ thuật và trình độ chuyên môn hóa cao. Người thợ thủ công của nghề này là những người khéo léo, tài hoa, nắm được bí quyết độc đáo của nghề. Người thợ của làng Đại Bái từ lâu đã từng đi khắp các vùng đất nước để đúc chuông, đúc tượng, mâm, thau... mà công cụ chỉ có nôi nấu đồng bằng đất và khuôn mẫu cũng bằng đất.

Ngoài các nghề thủ công tiêu biểu kể trên, Bắc Ninh còn có rất nhiều nghề được lưu truyền trong nhân dân như: giát vàng bạc, nhuộm vải, đan lát, làm giấy dó, làm tương, làm đậu phụ, nấu rượu, nấu ép dầu...

Có thể thấy những làng nghề thủ công ở Bắc Ninh ra đời đều xuất phát từ nhu cầu bức thiết của đời sống, sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, được phát triển dựa trên các yếu tố căn bản nhất, đó là các yếu tố thuận lợi về nguồn nguyên vật liệu và vị trí địa lý. Lịch sử phát triển các làng nghề ở đây đã cho thấy những yếu tố này (nhu cầu và thị trường tiêu thụ, nguyên liệu sẵn có, địa lý thuận lợi) là có tính quyết định nhất tới sự ra đời, phát triển và phân bố các ngành nghề trong tỉnh. Nhiều làng nghề được hình thành do có nguồn nguyên liệu tại địa phương, như các làng nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải - hầu hết đều tập trung ở các làng ven sông Cầu, nơi có đất bãi màu

3. Sách: Bùi Thị Tân-Vũ Huy Phúc: "Kinh tế thủ công nghiệp và phát triển công nghệ Việt Nam dưới triều Nguyễn". Nxb Thuận Hóa, 1998, tr. 91.

mỡ rất tốt cho nghề trồng dâu, nuôi tằm. Có những làng nghề nằm trên những đầu mối giao thông quan trọng, đặc biệt là những đầu mối giao thông thủy, bộ, bởi vì vào thời kỳ này thì đó là những phương tiện giao thông chủ yếu để chuyên chở nguyên vật liệu đến nơi sản xuất và sản phẩm đến nơi tiêu thụ. Có nhiều làng nghề ở gần các bến sông, thuận tiện cho việc chuyên chở hàng hóa và việc đi lại buôn bán của các thương nhân. Bên cạnh những yếu tố trên, Bắc Ninh còn là một trong những tỉnh của vùng đồng bằng sông Hồng đất chật, người đông - đây là sức ép về mặt kinh tế, buộc người nông dân tìm kiếm việc làm ngoài nghề nông để đảm bảo cuộc sống hàng ngày, từ đó nhiều nghề thủ công ra đời, giải quyết việc làm cho người dân trong vùng, đặc biệt trong các thời vụ nông nhàn. Trong suốt thời kỳ lịch sử này, các nghề tiểu, thủ công nghiệp cũng như các làng nghề cổ truyền của Bắc Ninh rất phát triển. Một số làng nghề đã phát triển thành các làng chuyên, tách khỏi nông nghiệp, hoặc sản xuất tiểu thủ công nghiệp là chính, như: gốm Bát Tràng, đúc đồng Đại Bái..., vì vậy nó thể hiện rất rõ sự tiến bộ trong phân công lao động ở các làng nghề. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể vẫn còn có nhiều hạn chế trong quá trình sản xuất, đó là trình độ sản xuất ở thời kỳ này vẫn chưa cao, tình trạng sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún, sản phẩm được sản xuất đơn chiếc với các công đoạn ở cùng một người thợ, chưa có sự chuyên môn hóa sâu, chất lượng sản phẩm còn thấp và sản lượng không cao. Chúng được sản xuất ra chủ yếu chỉ để phục vụ thị trường địa phương trong tỉnh, hoặc một số nơi nội địa chứ chưa có thị trường quốc tế rộng lớn. Song một điều không thể phủ nhận là sản phẩm thủ công nghiệp thời kỳ này đã đáp ứng tốt các nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và một số nhu cầu văn hóa của người dân địa phương.

1.4. Thời kỳ thuộc Pháp (cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX)

Thời kỳ này, những nghề thủ công vẫn được duy trì ở hầu hết các địa phương trong

tỉnh. Tuy nhiên, sản xuất của các làng nghề lúc này bị cạnh tranh bởi các cơ sở công nghiệp lớn, hiện đại do Pháp đưa vào xây dựng mới, sản phẩm thủ công truyền thống phải cạnh tranh với sản phẩm công nghiệp được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu. Do vậy một số nghề cũng bị ảnh hưởng và có phần sa sút như nghề sản xuất tơ lụa và dệt vải. Nhưng sự sa sút này cũng là một sự tất yếu, phù hợp với quy luật phát triển của khoa học kỹ thuật được áp dụng trong ngành sợi và dệt, làm cho năng suất lao động và chất lượng sản phẩm của ngành này được nâng cao, mặt hàng phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu ngày càng nhiều của người tiêu dùng. Song, mặt khác, cũng phải nói đến sự khuyến khích các nghề thủ công truyền thống phát triển của chính quyền thực dân thông qua việc đưa sản phẩm sang Pháp và một số nước tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, tổ chức hội chợ triển lãm ở Hà Nội, mở một số trường dạy nghề. Bắc Ninh cùng với 5 tỉnh khác là Sơn Tây, Hà Giang, Sơn La, Hòa Bình, Cao Bằng được mở trường dạy nghề. Tổng số cả 6 trường có 429 học sinh⁴. Thời kỳ này có một số nghề mới được du nhập và phát triển ở Bắc Ninh, như nghề thêu và làm đăng ten, hoặc nghề làm ghế mây sơn đen (ghế thonet).

Nhận xét về nghề thủ công của Bắc Ninh thời kỳ này, chính người Pháp cũng cho rằng: “ Tỉnh Bắc Ninh là một trong những tỉnh quan trọng nhất của xứ Bắc Kỳ..., một tỉnh rất giàu về sản phẩm và công nghệ địa phương”. Họ đã thống kê được 20 nghề quan trọng trong tỉnh. Ngoài những làng nghề truyền thống như nghề ương tơ, dệt vải, nghề gốm, còn có các nghề khác như: nghề rèn sắt Đa Hội, Giới Tế, Tam Tảo; nghề đúc đồng Đại Bái, Đề Cầu; nghề sơn Đình Bảng; nghề làm mây Trang Liệt, Đình Bảng..., với nhiều thợ chạm, thiếc, tiện, mộc, đóng đồ gỗ, làm giấy có tay nghề cao.

4. Vũ Huy Phúc-Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam 1858-1945, H., Nxb Khoa học xã hội, 1996, tr. 123

Trong sách “Người nông dân châu thổ Bắc kỳ” của P. Gourou cho thấy, những thập niên đầu thế kỷ XX, thủ công nghiệp ở Bắc Ninh phát triển khá mạnh. Sự phân bố các ngành nghề tương đối tập trung. Trên cơ sở phát triển sản xuất của các làng nghề mà ở Bắc Ninh đã hình thành ba trung tâm công nghiệp:

- *Trung tâm thứ nhất* nằm ở phủ Thuận Thành và huyện Gia Bình, ở đây số dân tham gia hoạt động sản xuất công nghiệp tương đối cao: Thuận Thành là 19,43% và Gia Bình là 12% dân số. Một số nghề tiêu biểu của vùng này là: hàng mã (Đông Hồ), đúc đồng (Bình Ngô), đan lát (Bình Ngô, Tiêu Xá).

- *Trung tâm thứ hai* là các tổng của phủ Từ Sơn, dân số tham gia sản xuất thủ công nghiệp khá đông. Tại đây có nhiều làng nghề nổi tiếng như: Phù Lưu làm nghề sơn, nhuộm, dệt, hàng xáo; Nghĩa Lập làm nghề mộc, dệt; Tam Sơn làm nễ, dệt; An Phú làm nễ, rèn, mảnh mảnh; Nội Duệ làm nễ, dệt.

- *Trung tâm thứ ba* bao gồm những làng ở hai bên sông Cầu, các tổng Châm Khê (huyện Võ Giàng), Phong Xá (huyện Yên Phong). Trung tâm này hoạt động kém hơn hai trung tâm kia, tuy nhiên vẫn có những làng có tiếng với các nghề như: Châm Khê làm gạch, nung vôi, nễ; Phong Xá làm mộc...

Ngoài ra, Bắc Ninh còn có nhiều nghề thủ công cổ truyền nổi tiếng khác nhưng chỉ tập trung ở một số ít làng nghề, không phổ biến nhiều như những nghề kể trên. Trong đó có thể kể đến một vài nghề như nghề làm giấy (Phong Khê, huyện Yên Phong), nghề vẽ tranh dân gian (Đông Hồ, huyện Thuận Thành), nghề làm pháo (Đồng Kỵ, Từ Sơn)...

Như vậy, có thể thấy rằng các nghề thủ công truyền thống của Bắc Ninh trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, từ năm 1858 đến năm 1945, tuy có bị ảnh hưởng của nhiều yếu tố do chính sách thống trị của thực dân Pháp trên phạm vi cả nước, song nó vẫn được duy trì và phát triển khá tốt ở nhiều địa phương

trong tỉnh, cả về số lượng làng nghề, ngành nghề sản xuất và chủng loại cũng như chất lượng sản phẩm. Một điều không thể phủ nhận là ngành nghề thủ công truyền thống của thời kỳ này đã phát triển tốt hơn bản thân nó ở thời kỳ nửa đầu thế kỷ XIX trở về trước. Quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cùng với sự hình thành và phát triển các đô thị, các trung tâm hành chính, kinh tế, giao thông, sự tăng nhanh của nhu xã hội, sự mở rộng thị trường giao lưu hàng hóa trong và ngoài nước, là những nhân tố quan trọng thúc đẩy sự tăng trưởng số lượng các làng nghề cũng như số lượng thợ thủ công trên phạm vi toàn tỉnh. Có những làng nghề mới được hình thành bằng sự lan tỏa của các nghề đã có, đồng thời có những làng nghề được phát triển với ngành nghề hoàn toàn mới lạ. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất tuy vẫn dựa trên cơ sở truyền thống là chính, song ở một số khâu của quy trình sản xuất đã được cải tiến để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Sự phân công lao động đã có những bước tiến mới, thúc đẩy một số làng nghề gần như tách khỏi nghề nông để phát triển thành những làng chuyên nghề, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của người dân. Cũng chính trong sự phát triển, người ta đã thấy xuất hiện sự hiệp tác gián tiếp giữa các làng nghề, làng nghề này có thể dùng sản phẩm của làng nghề kia làm nguyên liệu sản xuất, đồng thời xuất hiện hình thức quan hệ sản xuất mới, quan hệ chủ-thợ, ở nhiều làng nghề có hình thức thuê mướn nhân công. Bên cạnh các làng nghề phát triển thì cũng có một số làng nghề phát triển chậm hoặc có lúc sút kém, thậm chí mất đi. Điều này cũng là dễ hiểu bởi đó là sự tất yếu, hợp quy luật khi sản phẩm truyền thống phải cạnh tranh với hàng công nghiệp và hàng nhập khẩu, khi nhu cầu của con người hoặc giảm đi, hoặc dần dần không còn nữa. Mặc dù vậy, làng nghề thủ công Bắc Ninh vẫn tồn tại và phát triển, đã khẳng định vai trò quan trọng của mình trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh và cùng

với những người thợ tài hoa, các làng nghề đã để lại những dấu ấn đậm nét trong các sản phẩm mang tính nghệ thuật, được ưa chuộng và lưu truyền trong nhân dân.

2- Sự phát triển làng nghề truyền thống Bắc Ninh ngày nay

Tháng 11-1996, kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX đã ra quyết định tái lập tỉnh Bắc Ninh. Ngay sau khi tái lập tỉnh, UBND tỉnh Bắc Ninh đã quan tâm đặc biệt đến các làng nghề bằng nhiều chính sách khuyến khích phát triển. Năm 1998, Tỉnh ủy Bắc Ninh ban hành Nghị quyết 04-NQ/TU về phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp; tháng 2-2000 ban hành Nghị quyết 12 về xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp; và tháng 5-2001 ban hành Nghị quyết 02 về xây dựng và phát triển KCN và cụm công nghiệp đa nghề và làng nghề... Trong thời kỳ này, phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề vẫn tiếp tục được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng của tỉnh, bởi đây là một nguồn tiềm năng, thế mạnh

của tỉnh, tạo ra nhiều việc làm tại chỗ và tăng thu nhập cho người lao động ở khu vực nông thôn, đã thực sự góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Sự phát triển tiểu thủ công nghiệp của Bắc Ninh từ sau khi tái lập tỉnh đến nay đã đạt được nhiều kết quả cả về số lượng và chất lượng, thể hiện trên một số phương diện sau:

2.1. Sự phát triển, phân bố và cơ cấu ngành nghề

Sau khi tái lập tỉnh, các làng nghề truyền thống được khôi phục và phát triển, nhiều làng nghề mới ra đời, do vậy số lượng làng nghề ngày càng tăng lên. Theo thống kê, Bắc Ninh chiếm 18% số làng nghề và trên 10% số làng nghề truyền thống của cả nước. Năm 1998 toàn tỉnh có 49 làng nghề, năm 2001 tăng lên 58 làng và đến nay đã có 62 làng nghề, được phân bố rộng khắp trên địa bàn tỉnh, hoạt động ở hầu hết các ngành kinh tế chủ yếu, tập trung nhiều nhất là ở huyện Từ Sơn và Yên Phong (xem bảng 1).

BẢNG 1. Số lượng làng nghề và cơ cấu ngành nghề

STT	Huyện	Số làng nghề	Phân bố theo ngành kinh tế				
			Thủy sản	Công nghiệp chế biến	Xây dựng	Thương mại	Vận tải thủy
1	Từ Sơn	18		14	2	2	
2	Tiên Du	4		2	2		
3	Yên Phong	16		15		1	
4	Quế Võ	5		5			
5	Thuận Thành	5	1	4			
6	Gia Bình	8		8			
7	Lương Tài	6		5			1
<i>Tổng cộng</i>		62	1	53	4	3	1

Nguồn: Sở Công nghiệp Bắc Ninh, 2005.

Các ngành nghề bao gồm các nhóm chính như sau:

- Các ngành nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ như: chạm khắc gỗ, gốm sứ, thêu ren, dệt tơ tằm...

- Các ngành nghề phục vụ cho sản xuất và đời sống như: mộc dân dụng, đúc đồng, gang, nhôm, vật liệu xây dựng, sản xuất nông cụ...

- Các ngành nghề sản xuất các mặt hàng

tiêu dùng thông thường như: dệt vải, đan lát...

- Các ngành nghề chế biến lương thực, thực phẩm như: làm bún bánh, nấu rượu...

- Các ngành nghề dịch vụ như : thương mại, vận tải, xây dựng...

Các làng nghề hoạt động mạnh yếu khác nhau, tùy thuộc vào nhiều yếu tố như: thị trường tiêu thụ sản phẩm, nguồn vốn đầu tư, trang thiết bị kỹ thuật và trình độ quản lý của người chủ sản xuất... Trong số 62 làng nghề, sự vận động được thể hiện ở ba mức độ phát triển khác nhau:

- Số làng nghề phát triển tốt: có 20 làng nghề, chiếm 32%. Đây là những làng nghề mà sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đáp ứng được nhu cầu của thị trường cả về chất lượng và mẫu mã, có quy mô sản xuất lớn và được đầu tư tương đối tốt về các nguồn lực, có khả năng phát triển lan tỏa sang các khu vực khác. Những làng nghề này gồm có các làng sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, sắt thép, giấy...

- Số làng nghề hoạt động cầm chừng, không ổn định: có 26 làng nghề, chiếm 42%. Bao gồm những làng nghề sản xuất chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp như: chế biến nông sản từ gạo (mỳ, bún, bánh, nấu rượu...), mộc dân dụng, dâu tằm tơ...

- Số làng nghề hoạt động kém, có nguy cơ mai một, mất nghề: có 16 làng nghề, chiếm 26%. Đây là những làng nghề mà sản phẩm làm ra hoặc không thích hợp với nhu cầu thị trường, hoặc phải chịu sự cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm công nghiệp và sản phẩm nhập khẩu, như: làng gốm, làng sản xuất dụng cụ cầm tay, sản xuất tranh dân gian, mây tre đan...

Cho đến nay, Bắc Ninh vẫn có nhiều làng nghề truyền thống phát triển tốt, cộng với nhiều làng nghề mới được hình thành sau này, đã tạo nên thế mạnh của khu vực kinh tế làng nghề, đóng góp tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2.2. Các nguồn lực cho sự phát triển làng nghề

• Nguồn lao động

- **Số lượng lao động:** Bắc Ninh có một nguồn lao động dồi dào. Theo số liệu thống kê, năm 2007, dân số tỉnh Bắc Ninh là 1.028.800 người, trong đó khu vực thành thị là 135.600 người (chiếm 13,18%); khu vực nông thôn là 893.200 người (chiếm 86,82%). Tổng số lao động là 548.908 người. Đây là nguồn lao động dồi dào của tỉnh. Một đặc điểm cơ bản của lao động trong các làng nghề ở Bắc Ninh là lao động thủ công, lao động giản đơn vẫn còn chiếm phần lớn. Hệ thống làng nghề đa dạng, phong phú và quy mô ngày càng mở rộng đã thu hút một lực lượng lớn lao động trong tỉnh. Năm 1997, cả tỉnh có 34.412 lao động tham gia làm nghề, đến năm 2005 đã có 143.831 lao động làm việc tại các làng nghề. Những làng nghề phát triển mạnh, ngoài việc sử dụng lao động tại địa phương còn phải thuê thêm lao động từ các địa phương khác, như các làng nghề ở Đồng Kỵ, Phong Khê, Đa Hội,... những làng nghề này thu hút hàng ngàn lao động đến làm việc⁵. Cho đến nay, các làng nghề ở Bắc Ninh đã góp phần tạo việc làm cho trên 72.000 lao động thường xuyên và trên 10.000 lao động thời vụ⁶.

- **Chất lượng lao động:** tuy số lượng lao động tham gia làm nghề đông, song nhìn chung, trình độ văn hóa, trình độ tay nghề của lao động còn thấp, chủ yếu là lao động phổ thông, nên hạn chế việc tiếp cận kỹ thuật và công nghệ mới trong sản xuất. Số người có tay nghề cao ở các cơ sở sản xuất không nhiều, những người thợ lành nghề và các nghệ nhân không được đào tạo nâng cao tay nghề cho phù hợp với công nghệ sản xuất tiên tiến. Số lao động được đào tạo trong các làng nghề và các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp Bắc Ninh còn thấp, cụ thể là: trong số 59.600 người tham gia trực

5. Số liệu thống kê Bắc Ninh.

6. <http://www.kinhhtenongthon.com.vn>, 15-8-2007.

tiếp làm nghề thì số người được đào tạo ở bậc đại học, cao đẳng là 1.376 người, chiếm 2,31%; trung học là 1.859 người, chiếm 3,12%; công nhân kỹ thuật là 1.650 người, chiếm 2,77%; sơ cấp 971 người, chiếm 1,63%; kèm cặp trực tiếp là 53.744 người, chiếm 90,17%.

Đối với các chủ hộ, chủ doanh nghiệp thì trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật cũng như năng lực quản lý còn hạn chế. Đa số các chủ hộ, chủ doanh nghiệp đều chưa được trang bị kiến thức về quản lý, thiếu kinh nghiệm kinh doanh trong cơ chế thị trường. Đây cũng là một khó khăn khi họ muốn cho doanh nghiệp của mình ổn định và phát triển trước những thay đổi của nền kinh tế thị trường.

- Thu nhập của người lao động ở các làng nghề tương đối ổn định, từ 600.000 đồng đến trên 1 triệu đồng/tháng. Thu nhập bình quân của một thợ làm nghề chạm trổ ở Đồng Kỵ là khoảng 900.000 đồng/tháng, thợ cơ khí ở Đa Hội là 700.000 đồng/tháng, thợ làm giấy ở Dương Ổ là 600.000 đồng/tháng. Thu nhập của lao động ở một số nghề khác có thấp hơn. Song, nhìn chung thu nhập của người làm nghề thủ công thường cao hơn người làm nghề nông thuần túy từ 3 đến 4,5 lần.

• Nguồn vốn:

Các làng nghề thường huy động vốn từ nhiều nguồn, như nguồn vốn tự có của các hộ gia đình, vốn vay từ ngân hàng, vay của các tổ chức tín dụng và tư nhân. Tuy nhiên, trong các nguồn vốn này thì nguồn vốn tự có vẫn là chủ yếu. Theo kết quả điều tra cho thấy, khoảng 65% vốn kinh doanh của các hộ gia đình là vốn tự có. Các ngân hàng cũng đã có sự hỗ trợ cho các làng nghề. Ví dụ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cho các hộ sản xuất có dự án khả thi vay 70% giá trị mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn trung hạn và hỗ trợ cho vay từ 30-50% vốn lưu động. Sự hỗ trợ này có tác dụng rất tích cực trong việc nâng

cao năng lực sản xuất của nhiều làng nghề, trong số đó có thể kể đến làng nghề dâu, tầm, tơ Vọng Nguyệt (Tam Giang, Yên Phong). Nhờ có sự hỗ trợ của ngân hàng đã khôi phục nghề cổ truyền, giải quyết việc làm cho trên 1.000 lao động, với 120 xưởng sản xuất, làm ra 40 tấn tơ/năm. Nhìn chung, các cơ sở sản xuất cũng như các hộ gia đình được vay vốn từ ngân hàng hoặc hỗ trợ từ Nhà nước còn ít, do vậy đây vẫn là một khó khăn lớn của các làng nghề Bắc Ninh khi muốn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

• Kỹ thuật công nghệ:

Trước đây, quá trình sản xuất ở các làng nghề Bắc Ninh hầu như được tiến hành theo phương pháp thủ công là chủ yếu. Phương pháp này cho phép người sản xuất duy trì và thể hiện tính truyền thống và nghệ thuật trong các sản phẩm, nhưng năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm và giá trị sản lượng không cao. Trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật và những đòi hỏi của nền kinh tế thị trường, những người lao động ở các làng nghề đã đầu tư đổi mới trang thiết bị, thay thế công nghệ thủ công bằng công nghệ hiện đại. Nhiều công đoạn của quá trình sản xuất được thay thế bằng những kỹ thuật tiên tiến, nhất là những công đoạn nặng nhọc, đòi hỏi tiêu hao nhiều sức lao động. Quá trình "hiện đại hóa công nghệ truyền thống" đã được thực hiện ở nhiều làng nghề như một tất yếu của sự phát triển. Ở Làng tái chế giấy Dương Ổ (Yên Phong), các công đoạn sản xuất trước đây hoàn toàn bằng thủ công, từ việc giã bột cây dó cho tới việc xeo giấy, nay hầu như tất cả các công đoạn này đều được thay thế bằng máy. Nhờ vậy, tổng giá trị sản lượng của làng nghề này đạt gần 100.000 tấn/năm, giá trị hàng hóa đạt hàng trăm tỷ đồng... Làng sắt Đa Hội đưa thiết bị hiện đại vào sản xuất, các hộ đúc thép đều sử dụng lò đúc thép điện của Trung Quốc, có công suất trung bình 500kg/mẻ/2giờ. Ngoài

ra họ còn trang bị các loại máy cán thép, máy cắt thép, máy đột dập, lò nung..., tạo ra những sản phẩm sắt thép đủ kích cỡ và hình dáng khác nhau đáp ứng yêu cầu của thị trường. Làng Tương Giang với nghề dệt cổ truyền, trước đây hầu hết sử dụng máy dệt thủ công, công nghệ rất lạc hậu, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu ở trong vùng. Nay ở đây gần như đã hiện đại hóa ở tất cả các khâu sản xuất. Qua số liệu điều tra cho thấy hiện ở Tương Giang có 122 máy dệt công nghiệp, có 2 lò hơi để phục vụ cho các khâu nhuộm, sấy sản phẩm... Nhờ cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ tiên tiến nên giá trị sản lượng và năng suất lao động ở các làng nghề này đều rất cao, sản phẩm đạt chất lượng tốt hơn, có thể đáp ứng tốt nhất yêu cầu của người tiêu dùng cả về số lượng, chất lượng và thời gian.

Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy một hạn chế lớn trong việc đưa công nghệ vào sản xuất ở các làng nghề ở đây là chất lượng các thiết bị kỹ thuật còn thấp, có khi những thiết bị này được thải loại từ công nghiệp thành thị. Sự đổi mới diễn ra còn chậm và chưa đồng bộ, vẫn có nhiều khâu sản xuất

tận dụng lao động thủ công là chủ yếu. Đồng thời sự đổi mới kỹ thuật công nghệ ở đây chưa chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường và an toàn lao động. Do vậy làm ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường, sức khỏe và đời sống nhân dân.

2.3. Hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh

Hiện nay trong các làng nghề của Bắc Ninh, hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu vẫn là hình thức hộ gia đình, chiếm tới 95,8%. Bên cạnh đó, các hình thức khác như tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn ra đời, cùng tồn tại, hỗ trợ lẫn nhau trong điều kiện mới của nền kinh tế thị trường. Các công ty, các doanh nghiệp, các HTX có thể hỗ trợ hộ gia đình với tư cách là cầu nối trong việc cung cấp nguyên vật liệu, tiêu thụ sản phẩm, cung cấp vốn..., ngược lại hộ gia đình là những cơ sở vệ tinh gia công sản phẩm và cung cấp hàng hóa cho các doanh nghiệp và các công ty. Sự phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong các làng nghề ở Bắc Ninh được thể hiện ở bảng dưới đây:

BẢNG 2. Hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh ở Bắc Ninh
(trong đó chủ yếu là các làng nghề)

Huyện, thành phố	Hộ gia đình	Công ty TNHH, công ty cổ phần	HTX	Doanh nghiệp tư nhân	Tổng số
Tp. Bắc Ninh	-	28	15	20	63
Từ Sơn	7.053	250	82	110	7.495
Yên Phong	1.846	37	30	70	1.983
Tiên Du	2.243	22	14	15	2.294
Quế Võ	1.758	3	8	-	1.769
Thuận Thành	2.160	11	1	10	2.182
Gia Bình	2.013	7	10	1	2.031
Lương Tài	1.342	11	53	-	1.406
<i>Tổng cộng</i>	<i>18.415</i>	<i>369</i>	<i>213</i>	<i>226</i>	<i>19.223</i>

Nguồn: Sở Công nghiệp Bắc Ninh.

2.4. Quy hoạch làng nghề

Sự phát triển của làng nghề ở Bắc Ninh đã đạt trình độ cao hơn, đòi hỏi một mô hình tổ chức sản xuất phù hợp với những điều kiện mới. Hơn nữa trong điều kiện mở cửa và hội nhập, các làng nghề phải dần dần áp dụng công nghệ mới vào sản xuất để thích ứng với những thay đổi của nền kinh tế hiện đại. Việc Bắc Ninh quy hoạch các cụm làng nghề và các khu sản xuất tập trung là một giải pháp quan trọng để phát triển các làng nghề theo hướng hiện đại hóa từng bước, tạo điều kiện phát triển sản xuất với quy mô lớn hơn, tốc độ cao hơn, nâng cao sự phân công lao động và hiệp tác sản xuất giữa các cơ sở sản xuất với nhau, giữa các cơ sở sản xuất với các cơ sở dịch vụ, tăng cường đầu tư kỹ thuật và đổi mới công nghệ, sẽ đảm bảo không gây những ảnh hưởng bất lợi đối với đời sống và môi trường của dân cư. Bắc Ninh là một trong những tỉnh đầu tiên thực hiện quy hoạch cụm làng nghề, với nhiều chính sách ưu đãi như: cho thuê đất với mức giá thấp nhất theo giá quy định của Nhà nước, tiền thuê đất được miễn 10 năm đầu và giảm 50% cho những năm tiếp theo.

Đến nay, sau 10 năm quy hoạch xây dựng, tỉnh Bắc Ninh đã phát triển được 25 khu công nghiệp vừa và nhỏ, cụm công nghiệp làng nghề với diện tích mặt bằng là 628 ha, thu hút được 761 cơ sở sản xuất kinh doanh thuê 197,3 ha đất, với tổng số vốn đăng ký kinh doanh là 2.114 tỷ đồng và hơn 20 triệu USD. Phần lớn các cơ sở sản xuất trong các khu công nghiệp và cụm công nghiệp làng nghề đã tập trung đầu tư và phát triển sản xuất, đạt hiệu quả tương đối cao, đóng góp cho sự tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Năm 2006, riêng giá trị công nghiệp của khu công nghiệp

làng nghề đạt 3361,8 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 85,4 tỷ đồng⁵. Cho đến nay, có thể nói rằng, các cụm khu công nghiệp làng nghề Bắc Ninh đã từng bước khẳng định vai trò của mình trong việc phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

Trong suốt chiều dài lịch sử, sự phát triển của làng nghề truyền thống Bắc Ninh đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ, phục vụ đắc lực cho đời sống nhân dân. Cho đến nay, tuy sự phát triển có những biến động và thăng trầm, song vai trò của làng nghề truyền thống vẫn ngày càng được khẳng định, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, nâng cao đời sống nhân dân và đặc biệt tạo là việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Do vậy, phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống và các nghề mới là một trong những mục tiêu, chính sách quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế chung của tỉnh Bắc Ninh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- P.Gourou, "Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ". H., Nxb Trẻ, 1936.
- 2- Tư liệu của Bảo tàng Bắc Ninh.
- 3- Vũ Huy Phúc, "Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam 1858-1945"; H., Nxb Khoa học xã hội, 1996.
- 4- Địa chí Hà Bắc, Thư viện tỉnh Hà Bắc xuất bản năm 1982.
- 5- Báo cáo của Sở Công nghiệp Bắc Ninh.
- 6- Làng nghề Bắc Ninh – tiềm năng và hội nhập. 2005.

5. <http://www.vnnet.vn>; 31-10-2007.